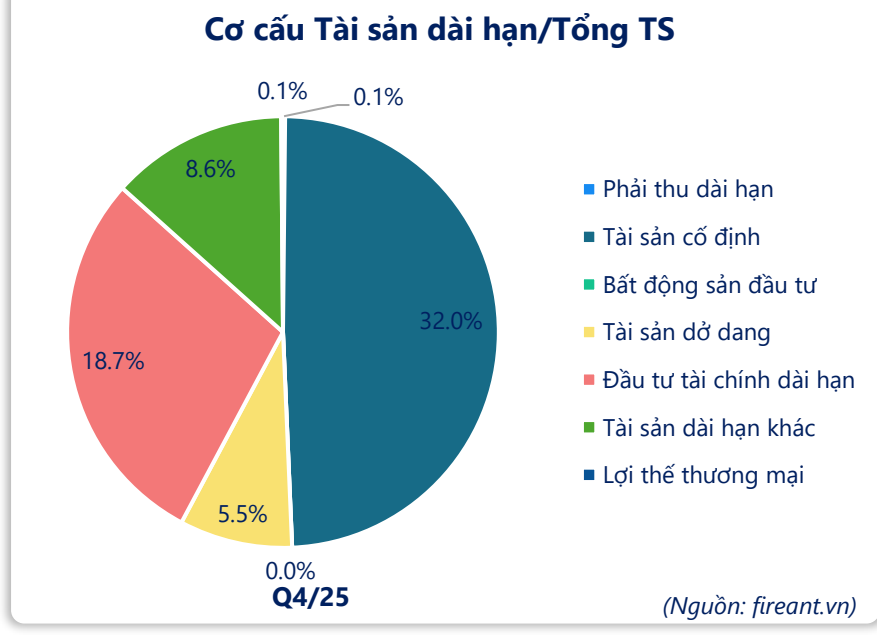
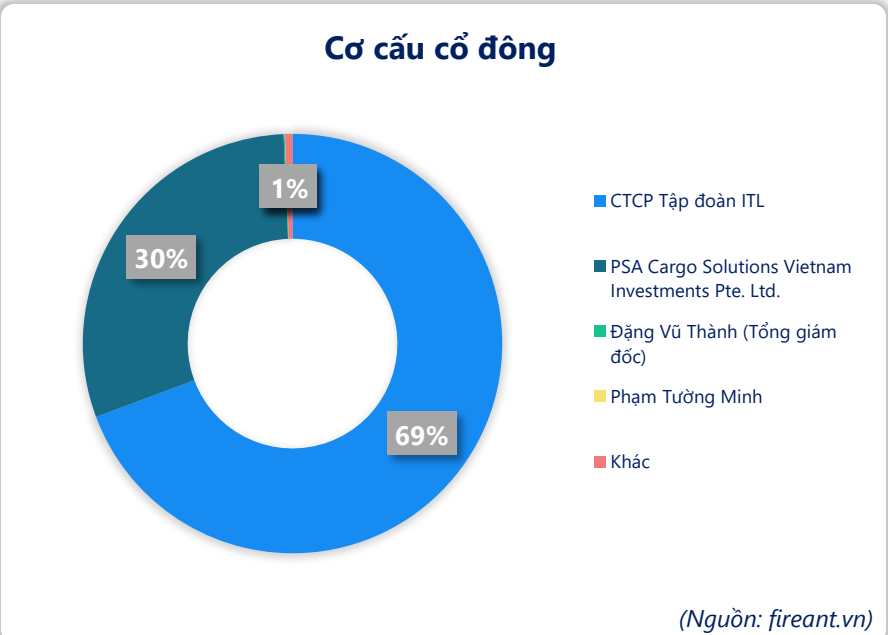
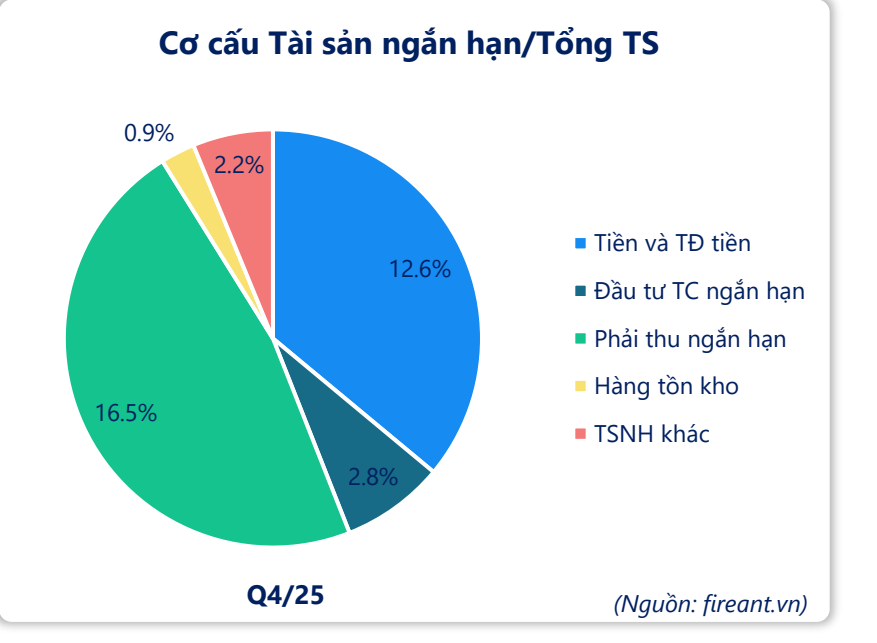
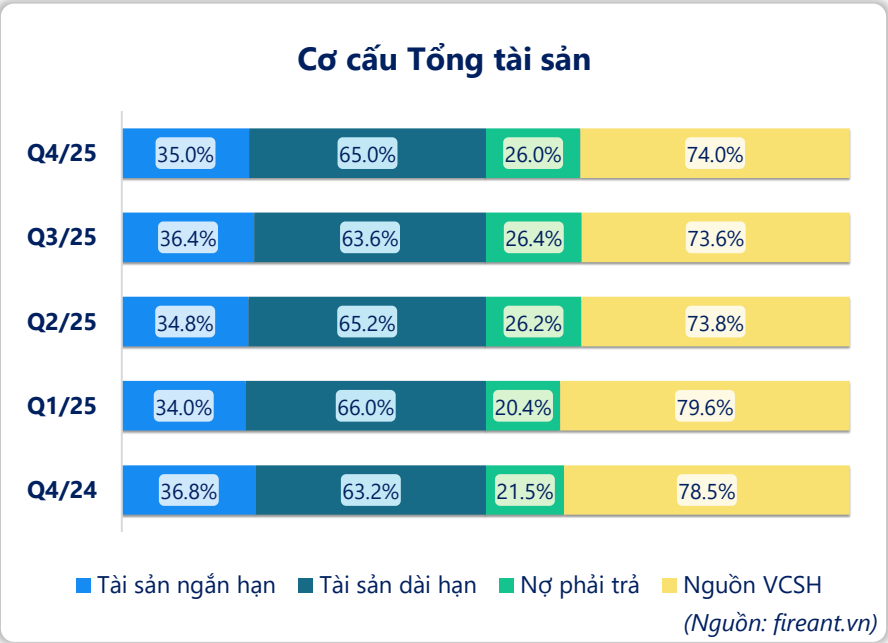
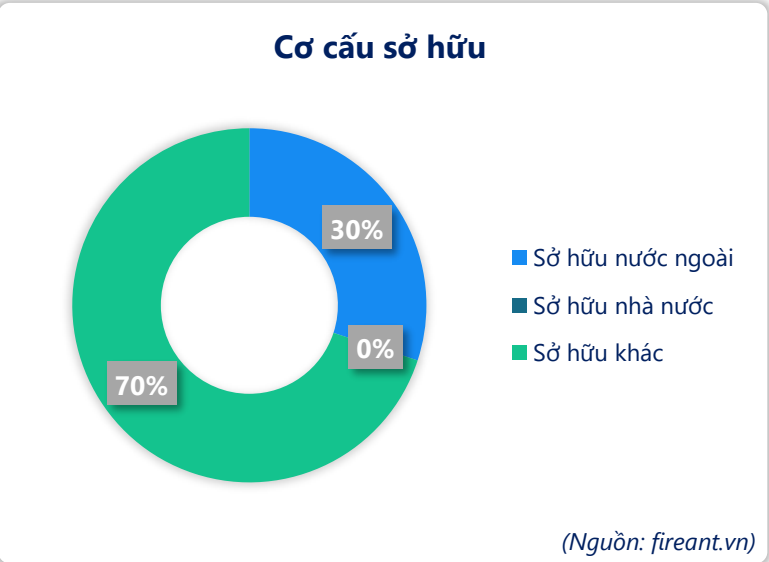
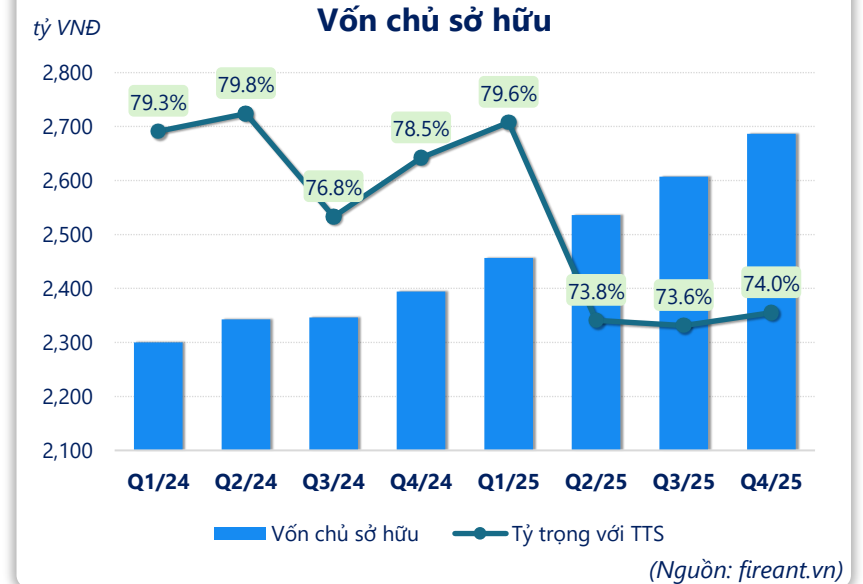
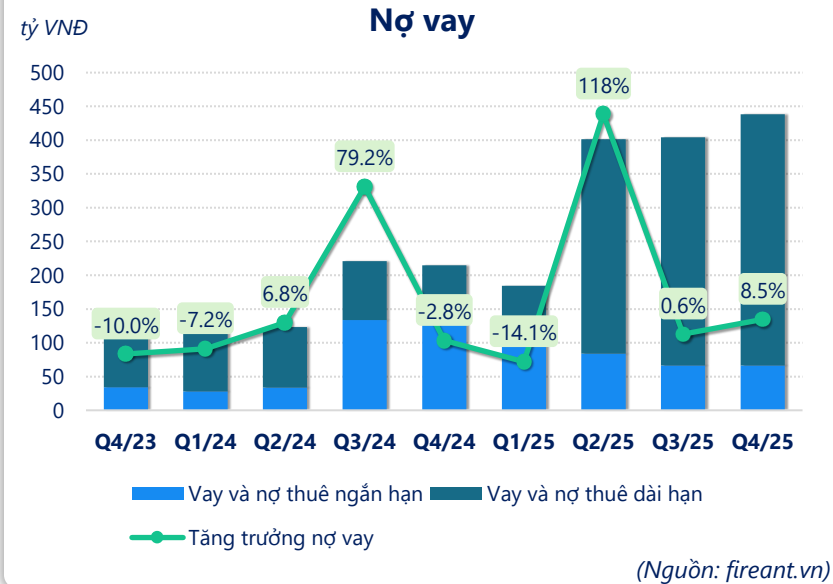
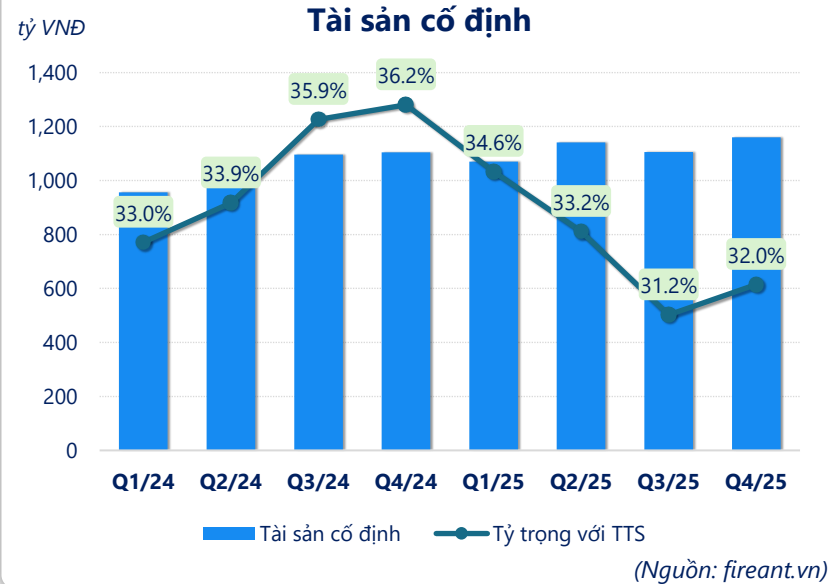
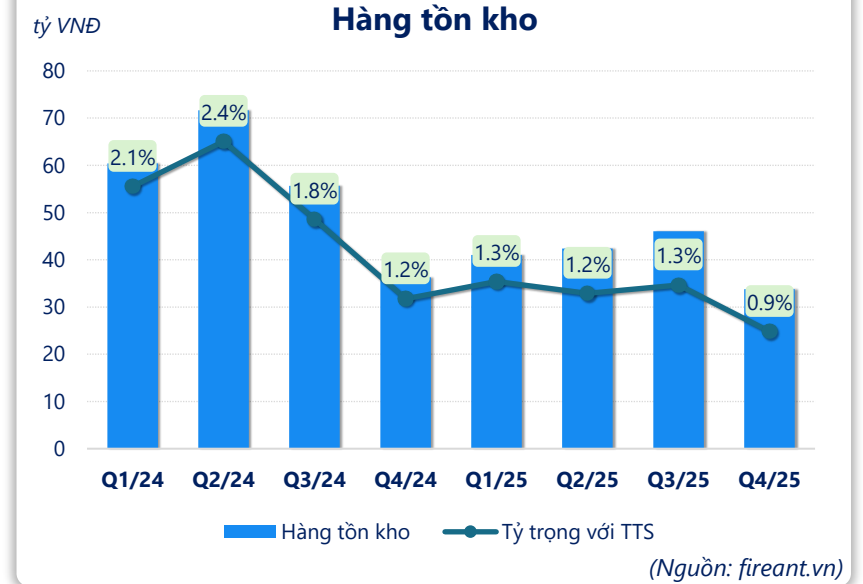
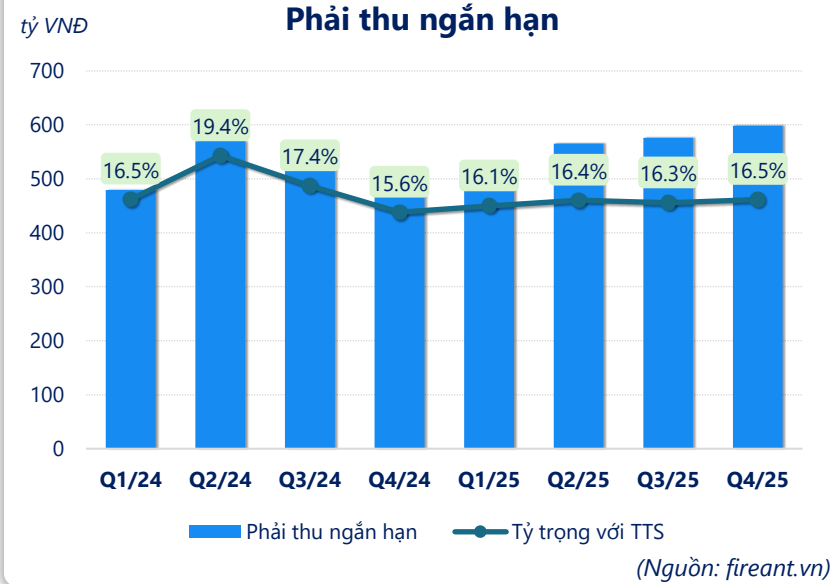
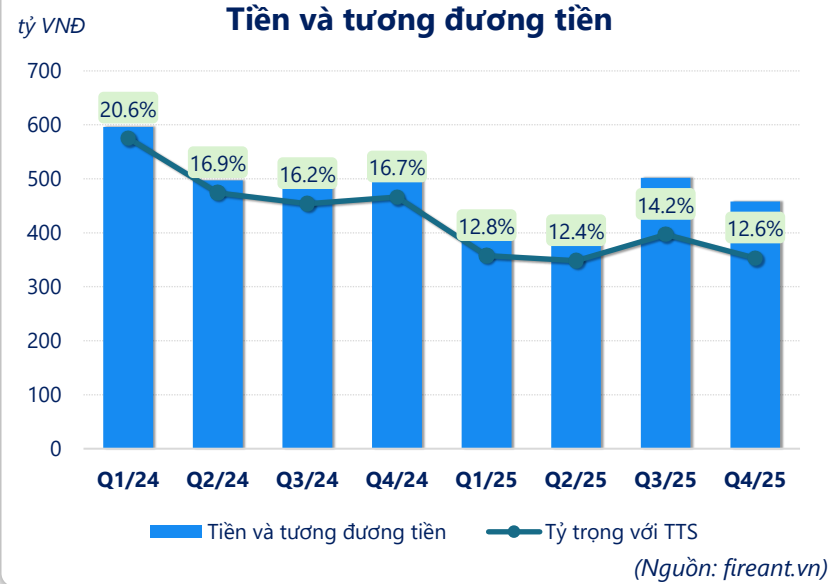
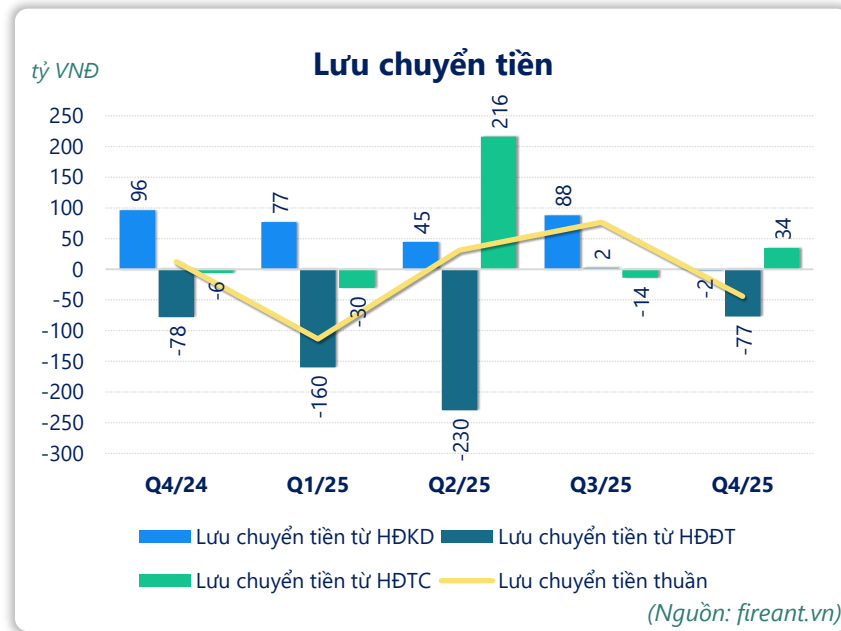
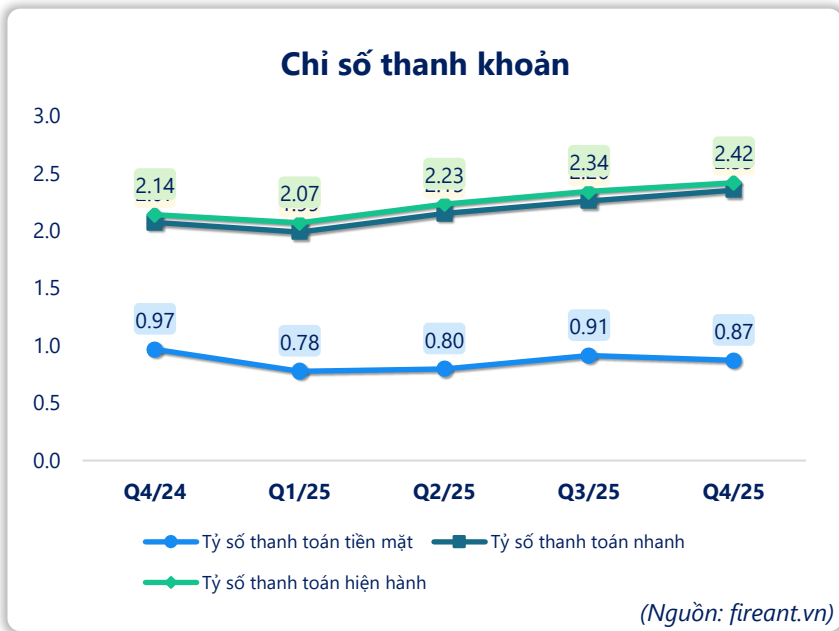
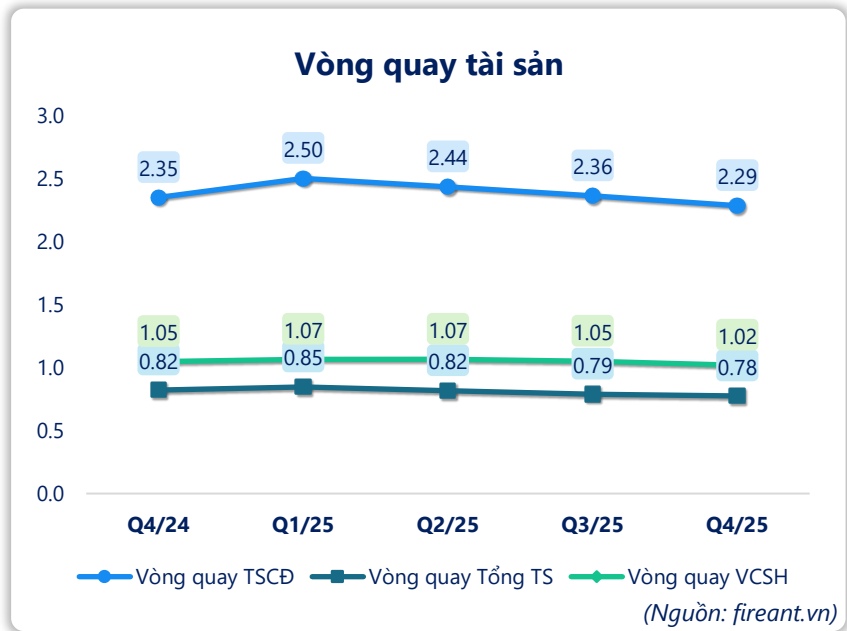
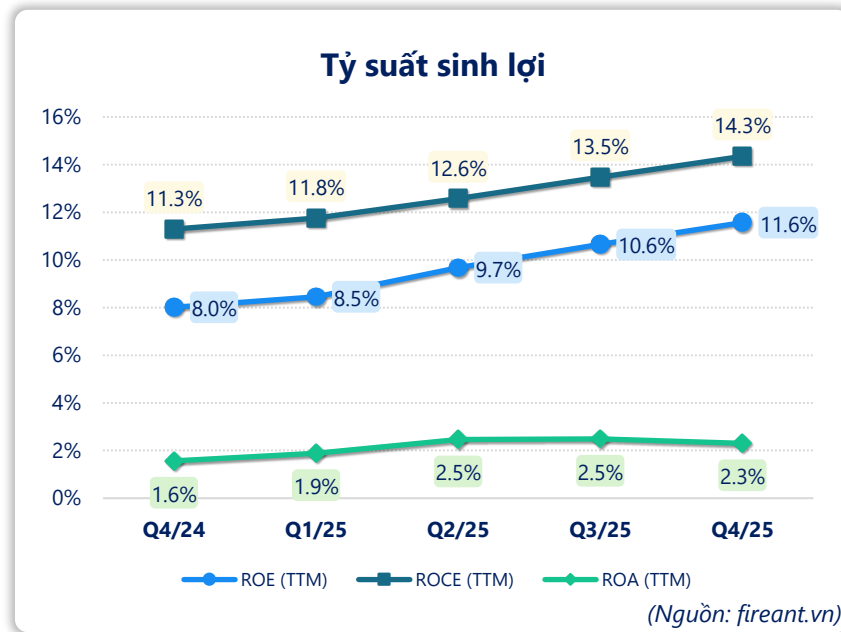
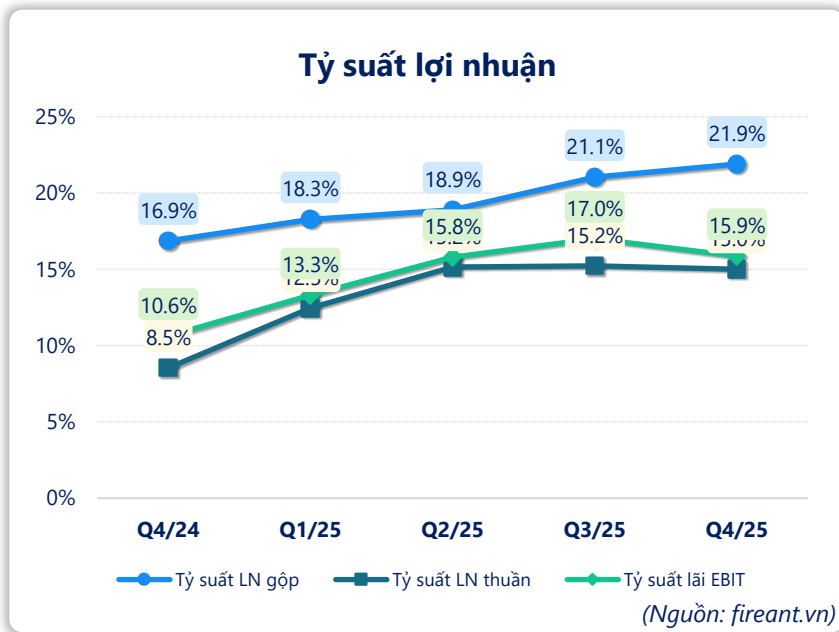
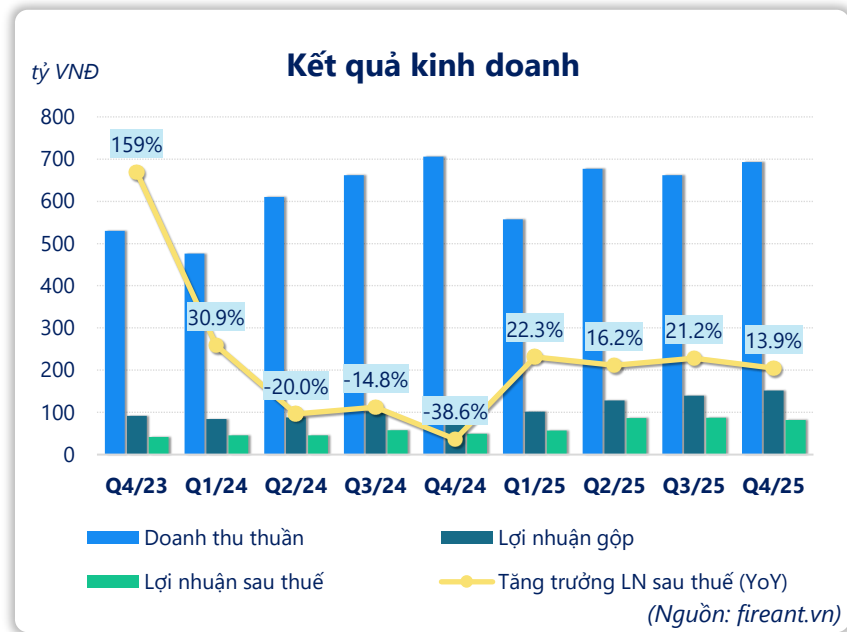


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		38,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		42,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		31,400
SL cổ phiếu LH		98,253,357
KLGD BQ 20 phiên (CP)		225
% sở hữu nước ngoài		30.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,822
P/E		13.0
EPS		2,990

	YTD	1T	3T	6T
STG	-2.6%	11.5%	11.1%	1.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,630	3,052	18.9%
Tài sản ngắn hạn	1,271	1,127	12.8%
Tiền và tương đương tiền	458	508	-9.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	102	86.5	17.4%
Phải thu ngắn hạn	599	479	25.1%
Hàng tồn kho	33.8	36.3	-6.9%
Tài sản ngắn hạn khác	78.9	17.9	340%
Tài sản dài hạn	2,359	1,925	22.5%
Phải thu dài hạn	3.70	3.47	6.7%
Tài sản cố định	1,160	1,105	5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	200	149	33.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	680	606	12.2%
Tài sản dài hạn khác	312	47.7	555%
Lợi thế thương mại	3.19	13.4	-76.3%
Nợ phải trả	943	652	44.6%
Nợ ngắn hạn	526	527	-0.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	66.5	136	-51.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	126	128	-0.9%
Nợ dài hạn	418	126	232%
Vay và nợ thuê dài hạn	372	78.5	373%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,686	2,400	11.9%
Vốn chủ sở hữu	2,686	2,400	11.9%
Vốn điều lệ	983	983	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	706	557	677	662	693
Giá vốn hàng bán	587	455	549	523	541
Lợi nhuận gộp	119	102	128	139	152
Doanh thu HĐTC	9.51	4.72	10.0	3.28	8.36
Chi phí TC	6.99	5.04	8.94	7.66	8.46
Chi phí lãi vay	5.83	3.94	4.57	6.64	7.65
LN trong công ty LKLD	21.5	21.9	30.9	27.2	27.8
Chi phí bán hàng	21.7	23.5	26.2	29.8	31.0
Chi phí QLDN	61.1	30.5	31.2	31.6	44.6
LN thuần từ HĐKD	60.3	69.4	103	101	104
Lợi nhuận khác	8.94	0.71	-0.10	5.16	-1.69
LN trước thuế	69.3	70.1	102	106	102
Lợi nhuận sau thuế	49.3	57.0	86.2	87.0	82.0
LNST của CĐ cty mẹ	46.8	56.5	78.4	82.1	76.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	96.3	76.7	44.7	87.9	-1.95
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-78.0	-160	-230	2.22	-76.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.86	-30.2	216	-13.7	34.5
Tiền đầu kỳ	495	508	394	428	502
Lưu chuyển tiền thuần	12.4	-113	31.1	76.4	-44.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.23	0	1.93	-1.93	0.24
Tiền cuối kỳ	508	394	428	502	458

(Nguồn: fireant.vn)